

Số: ...../TB-UBND

Đồng Hới, ngày ..... tháng 03 năm 2026

**THÔNG BÁO**

**Thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường và kè nối từ cầu Nhật Lệ 2 đến Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão và hậu cần nghề cá (phía Nam cầu Nhật Lệ 3), phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (thông báo lại đợt 1)**

*Căn cứ khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đình chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội về việc Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị Quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội về việc Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và Kế hoạch lựa chọn*

*nhà thầu, Dự án Đường và kè nối từ cầu Nhật Lệ 2 đến Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão và hậu cần nghề cá (phía Nam cầu Nhật Lệ 3), thành phố Đồng Hới;*

*Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-SGTVT ngày 29/12/2023 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải Quảng Bình về việc phê duyệt thiết kế BVTC và dự toán; điều chỉnh giá các gói thầu công trình Đường và kè nối từ cầu Nhật Lệ 2 đến Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão và hậu cần nghề cá (phía Nam cầu Nhật Lệ 3), thành phố Đồng Hới;*

*Căn cứ Thông báo số 24/TB-UBND ngày 21/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới về thu hồi đất để thực hiện xây dựng Dự án Đường và kè nối từ cầu Nhật Lệ 2 đến khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão và hậu cần nghề cá (phía Nam cầu Nhật Lệ 3), thành phố Đồng Hới (đợt 1);*

*Căn cứ các kết quả chỉnh lý địa chính và thống kê kết quả đo đạc chỉnh lý địa chính tại xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới) do Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường (nay là Trung tâm kỹ thuật Nông nghiệp và Môi trường) lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) ký duyệt đợt 01 ngày 03/4/2024; đợt 02 ngày 04/9/2024; đợt 03 ngày 07/11/2024; điều chỉnh đợt 01 ngày 20/11/2024; điều chỉnh đợt 02 ngày 07/11/2024.*

*Xét Tờ trình số 1258/TTr-SXD ngày 24/02/2026 của Sở Xây dựng về việc đề nghị ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường và kè nối từ cầu Nhật Lệ 2 đến khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão và hậu cần nghề cá (phía Nam cầu Nhật Lệ 3), tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị (thông báo lại đợt 1) và Tờ trình số 561/TTr-KTHT&ĐT ngày 12/6/2026 của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị.*

Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 85 của Luật Đất đai 2024, điểm c khoản 13 Điều 3 Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Chính phủ, điểm c khoản 2 Điều 13 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ, Chủ tịch UBND phường ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường và kè nối từ cầu Nhật Lệ 2 đến khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão và hậu cần nghề cá (Phía Nam cầu Nhật Lệ 3) tại phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị do thông báo thu hồi đất đã hết hạn 12 tháng kể từ ngày ban hành thông báo thu hồi đất tại Thông báo số 24/TB-UBND ngày 21/01/2025 của UBND thành phố Đồng Hới nhưng chưa ban hành quyết định thu hồi đất, cụ thể như sau:

**1. Lý do thu hồi:** Để thực hiện Dự án Đường và kè nối từ cầu Nhật Lệ 2 đến khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão và hậu cần nghề cá (Phía Nam cầu Nhật Lệ 3), thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị) theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

**2. Chủ sử dụng đất, diện tích, vị trí khu đất thu hồi**

- Tổng diện tích đất thu hồi: 82.926,3 m<sup>2</sup> (bằng chữ: Tám mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi sáu phẩy ba mét vuông). Trong đó:

+ Tổng diện tích do hộ gia đình, cá nhân sử dụng nằm trong phạm vi quy hoạch: 6.433,2 m<sup>2</sup> (đất trồng cây hàng năm khác (HNK): 554,9 m<sup>2</sup>; đất ở nông thôn (ONT): 150,0 m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm (CLN): 927,5 m<sup>2</sup>; đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 4.800,8 m<sup>2</sup>).

+ Tổng diện tích do tổ chức sử dụng nằm trong phạm vi quy hoạch: 2.997,3m<sup>2</sup> (đất trồng cây hàng năm khác (HNK): 355,4 m<sup>2</sup>; đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 509,9 m<sup>2</sup>; đất trồng cây lâu năm (CLN): 2.102,8 m<sup>2</sup>, đất công trình giao thông (DGT): 29,2 m<sup>2</sup>).

+ Tổng diện tích do tổ chức quản lý nằm trong phạm vi quy hoạch: 73.310,6 m<sup>2</sup> (đất công trình thủy lợi (DTL): 277,6 m<sup>2</sup>; đất công trình giao thông (DGT): 3.344,3 m<sup>2</sup>; đất có mặt nước dạng mặt nước, sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON): 54.136,0 m<sup>2</sup>; đất bằng chưa sử dụng (BCS): 7.523,6 m<sup>2</sup>; đất trồng cây hàng năm khác (HNK): 7,2 m<sup>2</sup>; đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất hữu cơ lưu trữ tro cốt (NTD): 666,5 m<sup>2</sup>; đất rừng sản xuất (RSX): 7.355,4 m<sup>2</sup>).

+ Tổng diện tích do hộ gia đình, cá nhân sử dụng ngoài phạm vi quy hoạch đề nghị thu hồi: 185,2 m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm (CLN): 4,5 m<sup>2</sup>, đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 180,7 m<sup>2</sup>).

- Chủ sử dụng, vị trí đất bị thu hồi cụ thể được xác định theo kết quả chỉnh lý địa chính tờ bản đồ số 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28 và 60 xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới (nay là phường Đồng Hới) và Thống kê kết quả đo đạc chỉnh lý địa chính do Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường (nay là Trung tâm kỹ thuật Nông nghiệp Môi trường) lập, được Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) ký duyệt đợt 01 ngày 03/4/2024; đợt 02 ngày 04/9/2024; đợt 03 ngày 07/11/2024; điều chỉnh đợt 01 ngày 20/11/2024; điều chỉnh đợt 02 ngày 07/11/2024.

*(Chi tiết có phụ lục gửi kèm theo)*

**3. Tiến độ thu hồi đất:** Thực hiện theo quy định tại Điều 85 Luật Đất đai 2024 và theo tiến độ của dự án đầu tư hoặc theo tiến độ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

**4. Kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**

- Sau khi Chủ tịch UBND phường ban hành thông báo thu hồi đất của dự án, Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND phường Đồng Hới gửi thông báo thu hồi đất đến từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất và tài sản bị ảnh hưởng, đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất và danh sách người có đất thu hồi tại trụ sở UBND phường Đồng Hới và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai.

- Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo trong trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất theo quy định.

### **5. Tổ chức thực hiện**

a) Văn phòng HĐND-UBND phường Đồng Hới chủ trì, phối hợp với Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới gửi thông báo thu hồi đất đến từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất và tài sản bị ảnh hưởng, đồng thời niêm yết thông báo thu hồi đất và danh sách người có đất thu hồi tại trụ sở UBND phường Đồng Hới và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai; quán triệt đến người có đất và tài sản bị ảnh hưởng trong phạm vi thu hồi về việc không được tạo lập các tài sản khác gắn liền với đất trên diện tích đất đã thông báo thu hồi.

b) Văn phòng HĐND-UBND phường đăng tải thông báo thu hồi đất trên trang thông tin điện tử phường trong suốt thời gian bồi thường, hỗ trợ, tái định cư kể từ ngày ký Thông báo này để nhân dân được biết.

c) UBND phường Đồng Hới có trách nhiệm phối hợp với Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

d) Người sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng có trách nhiệm phối hợp với Ban QLDA ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới, UBND phường Đồng Hới và các đơn vị liên quan thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, kiểm đếm tài sản gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

đ) Thông báo thu hồi đất có hiệu lực trong thời hạn 12 tháng tính từ ngày ban hành.

UBND phường thông báo để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trong khu vực và các cơ quan, đơn vị liên quan biết và thực hiện./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận:***

- Sở Xây dựng;
- CT, PCT UBND phường;
- Các phòng: KT,HT&ĐT, VP HĐND-UBND phường;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực VI;
- Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ Đồng Hới;
- Người có đất bị thu hồi, tài sản bị ảnh hưởng;
- Lưu: VT.

**Nguyễn Thăng Long**

**(Phụ lục kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 03 năm 2026  
của Chủ tịch UBND phường Đồng Hới)**

TT	Tên người sử dụng, quản lý đất	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích trong phạm vi quy hoạch		Diện tích ngoài phạm vi quy hoạch đề nghị thu hồi		Ghi chú
					Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	
<b>I</b>	<b>Hộ gia đình, cá nhân</b>			<b>6.618,4</b>	<b>6.433,2</b>		<b>185,2</b>		
1	Hoàng Việt Lâm	21	134(1)	490,9	490,9	HNK			
2	Hồ Kiếm - Nguyễn Thị Mai	20	117(3)	104,6	104,6	CLN			
3	Đào Xuân Kịch - Nguyễn Thị Hồng	21	226(1)	122,7	122,7	CLN			
			227(1)	67,0	67,0	CLN			
4	Đào Xuân Can - Nguyễn Thị Hoài Nam	21	50(1)	25,8	25,8	CLN			
5	Nguyễn Chí Thiên - Võ Thị Mộng Thu	27	281(1)	388,6	388,6	CLN			
				100,0	100,0	ONT			
			281(3)	4,5			4,5	CLN	
6	Phan Minh Hương - Trần Thị Rươi	60	79(1)	3.530,2	3.530,2	NTS			
			79(2)	180,7			180,7	NTS	
			79(5)	1.172,7	1.172,7	NTS			
7	Phạm Triết Học - Võ Thị Nhân	25	321(1)	97,9	97,9	NTS			
8	Nguyễn Đại Đàn - Phan Thị Thanh Thủy	27	282(1)	39,8	39,8	CLN			
9	Nguyễn Văn Hoanh - Phạm Thị Phương	27	269(1)	4,0	4,0	CLN			
10	Phạm Văn Hội - Trần Thị Lương	27	236(1)	175,0	175,0	CLN			
				50,0	50,0	ONT			
11	Phạm Phú Hà - Dương Thị Nhân	28	14(1)	64,0	64,0	HNK			

II	Tổ chức sử dụng đất			2.997,3	2.997,3		0,0		
1	UBND phường Đồng Hới	20	187(2)	5,0	5,0	CLN			Trích đo đợt 01 và điều chỉnh
		20	187(6)	146,0	146,0	CLN			
		20	187(8)	86,2	86,2	CLN			
		20	187(9)	81,5	81,5	CLN			
		20	187(7)	75,1	75,1	CLN			
		20	117(1)	25,8	25,8	CLN			
		20	80(7)	56,8	56,8	CLN			
		20	80(8)	57,9	57,9	CLN			
		20	80(15)	41,1	41,1	HNK			
		20	80(13)	14,2	14,2	HNK			
		20	80(12)	117,3	117,3	CLN			
		20	47(1)	3,9	3,9	CLN			
		21	83(2)	131,5	131,5	CLN			
		21	50(3)	46,3	46,3	CLN			
		22	157(1)	22,9	22,9	HNK			
		24	37(2)	118,0	118,0	NTS			
		20	80(4-1)	59,6	59,6	CLN			
		20	187(13)	17,1	17,1	CLN			
		20	187(15)	17,8	17,8	CLN			
		20	47(2)	13,7	13,7	CLN			
		20	80(14)	9,2	9,2	HNK			
		21	50(2)	1,9	1,9	CLN			
		21	37(5)	547,7	547,7	CLN			
		24	35(2)	43,3	43,3	NTS			
		24	35(3)	261,9	261,9	NTS			
		27	60(5)	155,6	155,6	HNK			

		27	60(6)	60,5	60,5	HNK			
		27	203(1)	59,9	59,9	CLN			
		27	204(1)	150,1	150,1	CLN			
		27	205(1)	124,4	124,4	CLN			
		27	206(1)	220,0	220,0	CLN			
		27	206(3)	34,6	34,6	CLN			
		27	207(1)	25,2	25,2	HNK			
		27	207(2)	26,7	26,7	HNK			
		27	24(1)	15,8	15,8	CLN			
		27	24(2)	6,9	6,9	CLN			
		60	79(15)	86,7	86,7	NTS			Trích đợt 03
2	Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	26	131(1)	29,2	29,2				
<b>III</b>	<b>Tổ chức quản lý đất</b>			<b>73.310,6</b>	<b>73.310,6</b>			<b>0,0</b>	
1	UBND phường Đồng Hới	20	187(4)	206,2	206,2	BCS			Trích đợt 01 và điều chỉnh
		20	187(1)	1.795,4	1.795,4	BCS			
		20	80(1)	39,5	39,5	DGT			
		20	80(2)	101,4	101,4	DGT			
		20	80(3)	37,6	37,6	DGT			
		20	80(6)	159,7	159,7	DGT			
		20	80(9)	253,8	253,8	BCS			
		20	80(11)	33,2	33,2	DGT			
		21	92(1)	671,7	671,7	BCS			
		21	23(1)	24,6	24,6	DGT			
		21	27(1)	156,0	156,0	DTL			
		21	51(1)	139,6	139,6	DGT			

		21	83(1)	1.449,6	1.449,6	BCS			
		60	63(1)	22.541,4	22.541,4	SON			
		22	81(1)	197,6	197,6	DGT			
		60	63(2)	15.527,7	15.527,7	SON			
		60	63(5)	1.984,3	1.984,3	SON			
		60	63(3)	942,3	942,3	SON			
		24	38(5)	96,9	96,9	BCS			
		25	351(1)	219,5	219,5	BCS			
		27	1(1)	11,2	11,2	DGT			
		27	228(1)	16,7	16,7	DGT			
		27	85(6)	17,0	17,0	DGT			
		27	85(5)	77,9	77,9	DGT			
		27	85(1)	17,0	17,0	DGT			
		27	194(1)	2.206,7	2.206,7	BCS			
		60	63(4)	11.648,3	11.648,3	SON			
		27	201(2)	26,1	26,1	DGT			
		60	63(6)	8,9	8,9	SON			
		60	63(7)	204,1	204,1	SON			
		60	63(8)	171,5	171,5	SON			
		60	63(9)	117	117,0	SON			
		60	63(10)	109,4	109,4	SON			
		60	63(11)	72,8	72,8	SON			
		60	63(12)	665	665,0	SON			
		60	63(13)	143,3	143,3	SON			
		20	187(5)	247	247,0	BCS			
		20	80(18)	21,6	21,6	DGT			
		21	158(1)	7,2	7,2	HNK			
									Trích đo đợt 02 và điều chỉnh

		21	83(5)	215,4	215,4	BCS		
		24	36(2)	220,2	220,2	DGT		
		24	36(3)	73	73,0	DGT		
		25	351(2)	3,6	3,6	BCS		
		25	323(1)	7,2	7,2	DGT		
		27	194(2)	34,1	34,1	BCS		
		27	194(3)	1	1,0	BCS		
		27	85(4)	17,5	17,5	DGT		
		27	85(2)	224,2	224,2	DGT		
		27	92(1)	121,6	121,6	DTL		
		27	85(3)	246,8	246,8	DGT		
		27	182(1)	213,9	213,9	DGT		
		27	201(1)	16,6	16,6	DGT		
		27	69(1)	5,6	5,6	BCS		
		27	69(2)	4,2	4,2	BCS		
		27	46(1)	13,3	13,3	BCS		
		27	46(2)	22,7	22,7	BCS		
		27	180(1)	1033,1	1.033,1	DGT		
		60	98(31)	822,1	822,1	RSX		
		60	98(32)	781,6	781,6	RSX		
		60	98(33)	2617,4	2.617,4	RSX		
		60	98(34)	2230,9	2.230,9	RSX		
		60	98(35)	107,3	107,3	RSX		
		60	98(36)	104,8	104,8	NTD		
		60	98(37)	481,9	481,9	NTD		
		60	98(38)	26,8	26,8	NTD		
		60	98(39)	3,6	3,6	NTD		

		60	98(40)	41	41,0	NTD			
		60	98(26)	8,4	8,4	NTD			
		60	97(5)	551,2	551,2	RSX			
		60	97(7)	92	92,0	RSX			
		60	97(8)	93,4	93,4	RSX			
		20	377(1)	33,5	33,5	BCS			
		20	377(2)	43,4	43,4	BCS			
		60	79(8)	218,2	218,2	DGT			
		60	79(9)	14,8	14,8	DGT			Trích đo đợc 03
		60	79(12)	98,9	98,9	DGT			
		60	79(13)	39,2	39,2	DGT			
		60	97(10)	51,3	51,3	RSX			
		60	97(11)	8,2	8,2	RSX			
	<b>Tổng cộng</b>			<b>82.926,3</b>	<b>82.741,1</b>		<b>185,2</b>		